

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD

TÊN HỌC PHẦN: TỔ CHỨC THI CÔNG

HỌC KỲ 5

MÃ HỌC PHẦN: CIE - 404

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 25/10/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	142210155	NGUYỄN ĐỨC ANH	T14XDD1	9			5		4			7	6.6	Sầu pháy Sầu			
2	142210161	KIỀU XUÂN CHIẾN	T14XDD1	10			8		6.5			9.5	8.9	Tầm pháy Chên			
3	142210163	PHAN HỮU CHUNG	T14XDD1	10			7		4.5			5.3	6.1	Sầu pháy Mất			
4	142210164	NGUYỄN VĂN CÔNG	T14XDD1	8.5			8		5.5			9	8.3	Tầm pháy Ba			
5	142210167	LÊ VĂN ĐẠO	T14XDD1	10			9.5		7.5			9.8	9.4	Chên pháy Bấu			
6	142210176	NGUYỄN DŨNG	T14XDD1	8.5			8.5		3			8.8	7.8	Báy pháy Tầm			
7	142210179	NGUYỄN TRẦN QUANG DUY	T14XDD1	8.5			7		4			7.5	7.1	Báy pháy Mất			
8	142210182	HOÀNG THANH HẢI	T14XDD1	10			6.5		2.5			6.8	6.6	Sầu pháy Sầu			
9	142210185	NGUYỄN THẾ HANH	T14XDD1	8.5			7.5		4			7.8	7.3	Báy pháy Ba			
10	142210191	NGUYỄN THANH HÒA	T14XDD1	10			7		4			6	6.5	Sầu pháy Nầm			
11	142210194	NGUYỄN VĂN HOÀN	T14XDD1	8.5			8		3.5			6	6.3	Sầu pháy Ba			
12	142210197	TRẦN THANH HÙNG	T14XDD1	9.5			9		5			7.8	7.8	Báy pháy Tầm			
13	142210200	NGHIÊM THANH HƯƠNG	T14XDD1	7			8.5		8.5			9	8.6	Tầm pháy Sầu			
14	142210203	PHAN ANH KHẢ	T14XDD1	10			8.5		5.5			6.5	7.2	Báy pháy Hai			
15	142210209	PHẠM ĐĂNG KHOA	T14XDD1	10			9		7			6	7.2	Báy pháy Hai			
16	142210212	LÊ VĂN KIÊN	T14XDD1	8.5			0		7			6.5	5.9	Nầm pháy Chên			
17	142210215	LƯU CÔNG LÍNH	T14XDD1	10			8.5		4.5			9	8.4	Tầm pháy Bấu			
18	142210218	NGUYỄN VĂN LỰC	T14XDD1	10			9		9			8.5	8.9	Tầm pháy Chên			
19	142210221	NGÔ ĐỨC LÝ	T14XDD1	10			8.5		5.5			8	8.0	Tầm			
20	142210227	PHAN XUÂN NAM	T14XDD1	10			8.5		3			7	7.1	Báy pháy Mất			
21	142210230	TRỊNH HỒNG NGUYỄN	T14XDD1	10			8.5		6.5			9	8.7	Tầm pháy Báy			
22	142210233	LƯU HỒNG PHONG	T14XDD1	8.5			8.5		5			8.5	8.0	Tầm			
23	142210236	NGUYỄN THANH PHỤNG	T14XDD1	10			9		9.5			8.8	9.1	Chên pháy Mất			
24	142210239	HÀ VĂN TƯỜNG QUANG	T14XDD1	10			6.5		4			8	7.5	Báy pháy Nầm			
25	142210245	PHAN TRẦN SỬ	T14XDD1	10			8		5.5			4	5.7	Nầm pháy Báy			
26	142210248	TRẦN VŨ CÔNG TÂN	T14XDD1	10			8		4.5			8	7.8	Báy pháy Tầm			
27	142210251	NGUYỄN QUỐC THÁI	T14XDD1	5			0		3.5			6.5	4.9	Bấu pháy Chên			
28	142210254	HỒ VĂN THÀNH	T14XDD1	8.5			8		6			8	7.8	Báy pháy Tầm			
29	142210257	NGUYỄN QUỐC THỊNH	T14XDD1	8.5			7		6			6	6.5	Sầu pháy Nầm			
30	142210260	TRẦN ANH THU	T14XDD1	8.5			7		3			4.5	5.3	Nầm pháy Ba			
31	142210263	TRẦN VIỆT THƯƠNG	T14XDD1	10			8.5		4			6.8	7.1	Báy pháy Mất			
32	142210266	LÊ VĂN TỊNH	T14XDD1	7			7.5		4.5			6.3	6.3	Sầu pháy Ba			
33	142210269	TRẦN VĂN TRUNG	T14XDD1	8.5			8		3			6	6.2	Sầu pháy Hai			
34	142210272	ĐẶNG ANH TRƯỜNG	T14XDD1	10			8		5			7.5	7.6	Báy pháy Sầu			
35	142210275	PHẠM THANH TÚ	T14XDD1	8.5			5		1.5			4.8	4.9	Bấu pháy Chên			
36	142210278	LÊ VĂN TUẤN	T14XDD1	10			8.5		5			7	7.4	Báy pháy Bấu			
37	142210281	PHAN ANH TUẤN	T14XDD1	10			8		7			9.5	9.0	Chên			
38	142210284	PHAN THÀNH TÚY	T14XDD1	10			7.5		4.5			4.5	5.8	Nầm pháy Tầm			
39	142210287	HỒ TÂN VINH	T14XDD1	10			8.5		6.5			9.5	9.0	Chên			
40	142210290	VƯƠNG Ý	T14XDD1	10			7		6.5			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD

TÊN HỌC PHẦN: TỔ CHỨC THI CÔNG

HỌC KỲ 5

MÃ HỌC PHẦN : CIE - 404

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 25/10/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
41	142220297	NGUYỄN HỮU	CHUNG	T14XDD1	10			9		5			9.3	8.7	Tầm pháp Baý		
42	132210159	NGUYỄN THIÊN	CHÍ	T14XDD1	3.5			0		3.5			V	0.0	Khăng		
43	142210156	PHAN NGỌC	BẢO	T14XDD2	10			8.5		4			7.5	7.5	Baý pháp Năm		
44	142210159	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	T14XDD2	5.5			7		5			5.5	5.7	Nằm pháp Baý		
45	142210162	NGUYỄN ĐÌNH	CHUNG	T14XDD2	10			9		9.5			6.8	8.0	Tầm		
46	142210165	VÕ TẤN	CUÔNG	T14XDD2	10			8.5		4			9.5	8.6	Tầm pháp Sầu		
47	142210168	TRƯƠNG VĂN	ĐẦU	T14XDD2	10			8.5		1.5			6.8	6.7	Sầu pháp Baý		
48	142210171	CAO VĂN	ĐIỀN	T14XDD2	10			8.5		7			6	7.1	Baý pháp Mất		
49	142210173	NGUYỄN VĂN	ĐOÀN	T14XDD2	8.5			7		6			6.8	7.0	Baý		
50	142210174	NGUYỄN TIỀN	DOANH	T14XDD2	10			8.5		4.5			9.5	8.7	Tầm pháp Baý		
51	142210177	DƯƠNG TRƯƠNG QUỐ	DỮNG	T14XDD2	10			8.5		4			7	7.2	Baý pháp Hai		
52	142210180	MAI VĂN	GIÁP	T14XDD2	8.5			8		3			6	6.2	Sầu pháp Hai		
53	142210183	PHẠM MINH	HẢI	T14XDD2	10			8		5			7	7.3	Baý pháp Ba		
54	142210186	VÕ ĐỨC	HẠNH	T14XDD2	8.5			8.5		2			8	7.3	Baý pháp Ba		
55	142210195	TRẦN MINH	HOÀNG	T14XDD2	10			9		6.5			9	8.8	Tầm pháp Tầm		
56	142210198	NGÔ PHƯỚC	HÙNG	T14XDD2	10			8.5		5			8.5	8.2	Tầm pháp Hai		
57	142210201	NGUYỄN THANH	HỮU	T14XDD2	10			8		4.5			7	7.2	Baý pháp Hai		
58	142210204	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	T14XDD2	10			7		2			7.3	6.9	Sầu pháp Chên		
59	142210207	NGUYỄN ANH	KHOA	T14XDD2	5			7		2			4	4.3	Bầu pháp Ba		
60	142210210	PHẠM QUỐC	KHƯƠNG	T14XDD2	10			8.5		5			7	7.4	Baý pháp Bấu		
61	142210213	NGUYỄN VĂN	LÀO	T14XDD2	10			8.5		2			7	6.9	Sầu pháp Chên		
62	142210216	NGUYỄN HOÀNG	LONG	T14XDD2	10			8.5		6.5			4.5	6.2	Sầu pháp Hai		
63	142210219	LÝ ĐÌNH	LỰC	T14XDD2	7			7		4			5.5	5.7	Nằm pháp Baý		
64	142210222	TRẦN THẾ	MÃNH	T14XDD2	10			8		2.5			7.5	7.2	Baý pháp Hai		
65	142210225	HỒ VĂN	MINH	T14XDD2	9			5		6			8.8	7.8	Baý pháp Tầm		
66	142210228	LÊ VIỆT	NGHĨA	T14XDD2	8.5			8		1.5			9.5	7.9	Baý pháp Chên		
67	142210231	NHAN NGỌC	NHIỆM	T14XDD2	10			7		4.5			5.5	6.3	Sầu pháp Ba		
68	142210234	TRƯƠNG	PHONG	T14XDD2	8.5			8		6			4.8	6.0	Sầu		
69	142210240	VÕ NGỌC	QUANG	T14XDD2	10			8.5		5.5			8	8.0	Tầm		
70	142210243	PHẠM XUÂN	SINH	T14XDD2	8.5			7		4.5			6.5	6.6	Sầu pháp Sầu		
71	142210246	BÙI MINH	TÁ	T14XDD2	10			8.5		5			8.5	8.2	Tầm pháp Hai		
72	142210249	BÙI HUỲNH	TẤN	T14XDD2	10			7		4			7	7.0	Baý		
73	142210252	LÊ ANH	THẮNG	T14XDD2	10			8.5		6			8.5	8.4	Tầm pháp Bấu		
74	142210255	NGUYỄN TRỌNG	THI	T14XDD2	8.5			7		4.5			7.5	7.1	Baý pháp Mất		
75	142210258	NGUYỄN VĂN	THOẠI	T14XDD2	8.5			7		5.5			9.5	8.4	Tầm pháp Bấu		
76	142210261	TRẦN PHƯỚC	THUẬN	T14XDD2	8.5			7		3			8.8	7.6	Baý pháp Sầu		
77	142210264	VÕ HỮU	TÍN	T14XDD2	8.5			8		2			8	7.2	Baý pháp Hai		
78	142210267	PHAN THANH	TOÀN	T14XDD2	10			8		4.5			8	7.8	Baý pháp Tầm		
79	142210270	TRẦN THẾ	TRUNG	T14XDD2	10			8		5.5			7.5	7.7	Baý pháp Baý		
80	142210273	TRẦN VĂN	TRUYỀN	T14XDD2	7			8		4			8	7.3	Baý pháp Ba		
81	142210276	HỒ SỸ	TU	T14XDD2	8.5			0		1.5			2	0.0	Khăng		
82	142210279	NGUYỄN ANH	TUẤN	T14XDD2	10			7		3.5			7.5	7.2	Baý pháp Hai		
83	142210282	ĐẶNG VĂN	TUẤT	T14XDD2	9.5			7.5		2.5			7	6.8	Sầu pháp Tầm		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD
TÊN HỌC PHẦN: TỔ CHỨC THI CÔNG
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 404

HỌC KỲ 5
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 25/10/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
84	142210291	TRẦN THANH	ẤN	T14XDD2	3.5			0		1.5			1.8	0.0	Khăng	
85	142210157	ĐỖ VĂN	BÌNH	T14XDD3	8			0		3			5.3	4.6	Bấu phấp Sầu	
86	142210160	NGUYỄN KÔNG	CHÁNH	T14XDD3	8.5			8		7			5	6.3	Sầu phấp Ba	
87	142210166	NGUYỄN TÂN	CUÔNG	T14XDD3	10			8		7			7.8	8.0	Tầm	
88	142210169	NGUYỄN	ĐẾN	T14XDD3	8			5		6.5			7.5	7.1	Bấp phấp Mắu	
89	142210172	PHAN ĐÌNH	DIỆP	T14XDD3	8.5			8.5		9			8	8.3	Tầm phấp Ba	
90	142210175	NGUYỄN ĐỨC	DU	T14XDD3	9.5			8		5.5			4	5.7	Nằm phấp Bấp	
91	142210178	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	T14XDD3	10			8		5.5			8.5	8.2	Tầm phấp Hai	
92	142210181	NGUYỄN VĂN	HÀ	T14XDD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng	
93	142210184	NGUYỄN THÀNH	HẢI	T14XDD3	10			8		8.5			9	8.9	Tầm phấp Chên	
94	142210187	LÊ QUỐC	HIẾN	T14XDD3	8.5			7.5		6			8	7.7	Bấp phấp Bấp	
95	142210190	LÊ VĂN LƯƠNG	HỒ	T14XDD3	8.5			7		6.5			7.8	7.6	Bấp phấp Sầu	
96	142210193	ĐÌNH XUÂN	HOÀI	T14XDD3	8.5			8		8			8	8.1	Tầm phấp Mắu	
97	142210196	ĐÌNH VĂN	HUỆ	T14XDD3	6.5			8		7.5			7.5	7.4	Bấp phấp Bấu	
98	142210199	NGUYỄN HUY	HÙNG	T14XDD3	10			8.5		8			9	8.9	Tầm phấp Chên	
99	142210202	TRẦN VŨ NHẬT	HUY	T14XDD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng	
100	142210205	TRẦN NGỌC	KHÁNH	T14XDD3	8.5			7.5		5			5.5	6.2	Sầu phấp Hai	
101	142210214	NGUYỄN DUY	LINH	T14XDD3	10			7.5		2.5			5.5	6.0	Sầu	
102	142210217	TRƯƠNG NGỌC	LONG	T14XDD3	8			7.5		6			7.3	7.2	Bấp phấp Hai	
103	142210220	LƯƠNG VĂN	LÝ	T14XDD3	6			8		7			7.5	7.3	Bấp phấp Ba	
104	142210223	NGUYỄN TRẦN	MINH	T14XDD3	8.5			8		6.5			6.5	7.0	Bấp	
105	142210226	VÕ VĂN	MỸ	T14XDD3	10			8		5.5			6.5	7.1	Bấp phấp Mắu	
106	142210229	TRẦN ĐỨC	NGUYỄN	T14XDD3	8.5			8		6.5			8	7.9	Bấp phấp Chên	
107	142210232	NGUYỄN THÀNH	NHƯ	T14XDD3	10			8		7			5.5	6.8	Sầu phấp Tầm	
108	142210235	LÊ VĂN	PHÒNG	T14XDD3	10			8.5		7			6.5	7.4	Bấp phấp Bấu	
109	142210238	TRẦN	QUANG	T14XDD3	10			8		8.5			6.3	7.4	Bấp phấp Bấu	
110	142210247	TRƯƠNG VĂN	TÁM	T14XDD3	10			8		5			5	6.2	Sầu phấp Hai	
111	142210253	NGUYỄN NGỌC	THẮNG	T14XDD3	10			7.5		5			5.8	6.6	Sầu phấp Sầu	
112	142210256	PHAN QUỐC	THỊNH	T14XDD3	10			8		7			6.5	7.3	Bấp phấp Ba	
113	142210259	PHAN VĂN	THƯ	T14XDD3	10			8		5			5.5	6.5	Sầu phấp Nằm	
114	142210265	BÙI ĐỨC	TÍN	T14XDD3	9			8.5		5			5	6.1	Sầu phấp Mắu	
115	142210268	LÊ ĐỨC	TRÍ	T14XDD3	10			8		9.5			7.8	8.4	Tầm phấp Bấu	
116	142210271	CAO VĂN	TRƯỜNG	T14XDD3	10			7.5		4.5			4.5	5.8	Nằm phấp Tầm	
117	142210274	TRƯƠNG ANH	TÚ	T14XDD3	10			8.5		9			7.3	8.1	Tầm phấp Mắu	
118	142210277	NGUYỄN VĂN	TUÂN	T14XDD3	10			9		9			5	7.0	Bấp	
119	142210280	VÕ ĐĂNG	TUẤN	T14XDD3	6.5			7.5		5.5			6.3	6.4	Sầu phấp Bấu	
120	142210283	LÊ VĂN	TƯƠNG	T14XDD3	10			9.5		7			8	8.4	Tầm phấp Bấu	
121	142210285	NGUYỄN THANH	VANG	T14XDD3	7			8		5			4	5.2	Nằm phấp Hai	
122	142210286	NGUYỄN LƯƠNG	VINH	T14XDD3	6.5			8		5.5			9	8.0	Tầm	
123	142210288	LÊ PHƯỚC	VĨNH	T14XDD3	9.5			8		6			8	7.9	Bấp phấp Chên	
1	0220	VÕ	MÓT	T13XDD2	3.5			7		2			5.5	4.9	Bấu phấp Chên	
2	0378	NGUYỄN ĐỨC	CUÔNG	K12XDC	5			0		5			V	0.0	Khăng	
3	8149	NGUYỄN VŨ TUẤN	VINH	K13XCD2	5.5			0		4			5.5	4.5	Bấu phấp Nằm	

Ngày thi: 25/10/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ
				15			15		15			55	100	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	120	95%	
2	Số sinh viên nợ	6	5%	
TỔNG CỘNG :		126	100%	

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú